

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2023

V/v: Ly hôn, giải quyết về con chung khi
ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N- NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Ông Lương Mạnh Tường.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc: “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn”. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐ-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lương Ngọc S, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Chị Đinh Thị Thùy L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ở hiện tại: Phố T, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2023, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn Anh Lương Ngọc S trình bày:

Về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình: Anh và chị Lkết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ

vào ngày 08/9/2014. Sau khi cưới anh chị sinh sống tại Thôn T xã Đ cùng gia đình anh Sơn. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về mọi mặt. Sau đó chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống, anh chị ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay anh S xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân và gia đình không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng thực sự sâu sắc không còn khả năng hàn gắn, anh S yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: anh S xác định anh và chị L có 02 con chung là các cháu: Lương Minh Trsinh ngày 08/9/2014, cháu Lương Khánh Qsinh ngày 14/9/2016. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh. Anh có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi các cháu sau khi anh ly hôn với chị L, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Chị Đinh Thị Thùy L: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo nhưng chị vẫn không đến làm việc trực tiếp tại Tòa án và không gửi ý kiến bằng văn bản về cho Tòa án vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Các văn bản tố tụng của Tòa án được ông Đinh Ngọc Lân là bố đẻ chị L nhận và ông cam đoan giao ngay lại cho chị L.

Ý kiến cháu Lương Minh Trsinh ngày 08/9/2014, cháu Lương Khánh Qsinh ngày 14/9/2016: Các cháu mong muốn tiếp tục ở với bố vì các cháu đang sinh sống và học tập ổn định tại Thôn T, xã Đ cùng với anh S và ông bà nội.

Tại đơn xin xử vắng mặt, anh S vẫn giữ nguyên quan điểm như quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn có nơi cư trú tại Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- Việc xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Lương Ngọc S. Xử lý hôn giữa Anh Lương Ngọc S và Chị Đinh Thị Thùy L.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao các cháu: Lương Minh Trsinh ngày 08/9/2014, cháu Lương Khánh Qsinh ngày 14/9/2016, cho anh Stiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và tự lập. Chị Lkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Sơn.

3. *Về án phí ly hôn:* Anh Lương Ngọc S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý

vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân:

Hôn nhân giữa anh Svà chị Llà quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt, hai bên đã ly thân thời gian dài, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Svới chị Llà có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: anh Svà chị Lcó 02 con chung là cháu Lương Minh Trsinh ngày 08/9/2014, cháu Lương Khánh Qsinh ngày 14/9/2016, hiện cả hai cháu đang ở với anh Sơn. Nguyên vọng của anh Sxin tiếp tục nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị Lcấp dưỡng nuôi con cùng anh. Hội đồng xét xử xét thấy: anh Skhỏe mạnh, có thu nhập, các cháu đều có nguyên vọng ở với anh Sơn, chị Lđã không trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các cháu một thời gian dài. Vì vậy để đảm bảo sự ổn định cho các cháu cũng như đảm bảo quyền và lợi ích cho các cháu nên tiếp tục giao cả 02 cháu cho anh Schăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Do anh Skhông yêu cầu chị Lcấp dưỡng nuôi con chung cùng anh nên không đặt ra việc xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lương Ngọc S phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho Anh Lương Ngọc S ly hôn Chị Đinh Thị Thùy L.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao các cháu: Lương Minh Trsinh ngày 08/9/2014, Lương Khánh Qsinh ngày 14/9/2016, cho anh Stiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

2.2. Chị Đinh Thị Thùy L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Sơn.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lương Ngọc S phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003895 ngày 05/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH